

T, ngày 04 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 66/2017/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị P - Sinh năm: 1993

Trú tại: Thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Thanh hóa

Bị đơn: anh Phạm Văn T - Sinh năm: 1984

Trú tại: Thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điều 55; 58; 81; 82 và 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự ngày 26 tháng 6 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị P và anh Phạm Văn T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Lê Thị Ph và anh Phạm Văn Th

- *Về con cái:* Chị Ph và anh Th thống nhất vợ chồng có 2 con chung là cháu Phạm Khánh H1 - Sinh ngày 20/5/2011; Phạm Khánh H2 - Sinh ngày 27/8/2012.

Công nhận sự thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị Ph và anh Th như sau:

Giao cháu Khánh H1 cho anh Th nuôi dưỡng. Giao cháu Khánh H2 cho chị Ph nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Ph và anh Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản, công nợ:* Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng khoản 3 và khoản 4 điều 147 - BLTTDS; khoản 6 điều 19; điểm a khoản 1 điều 24; khoản 5 điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Ph, anh Th mỗi người phải chịu 75.000đ án phí DSST. Chị Ph nhận nộp cả phần án phí cho anh Th. Chị Ph đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2014/0000556, ngày 30/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa được trừ vào tiền án phí DSST. Chị Ph còn được nhận lại 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T
- UBND xã C, huyện T
tỉnh Thanh Hóa.
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- Chi cục THADS huyện T
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Luyện